CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 52, 53, 54, 58 và 63 của Luật Khoa học và công nghệ về đầu tư, cơ chế tài chính và một số nội dung cần thiết về dự toán ngân sách nhà nước, nội dung chi cho hoạt động khoa học và công nghệ và quản lý nhà nước về quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khoán chi là giao quyền tự chủ tài chính cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong việc sử dụng kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gắn với trách nhiệm về các kết quả của nhiệm vụ được giao đúng mục tiêu, yêu cầu.

2. Kinh phí tiết kiệm là kinh phí chênh lệch giữa tổng dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt so với tổng kinh phí thực chi sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoàn thành, được đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ mức "Đạt" trở lên.

3. Sản phẩm cuối cùng là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ phê duyệt và được quy định trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương II
ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1
ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 4. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ

1. Chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ

Chi phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ không phân biệt thành phần kinh tế theo các nội dung sau:

a) Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm; trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ;

b) Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao;

c) Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về khoa học và công nghệ;

d) Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển khoa học và công nghệ.

2. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, gồm các nội dung sau:

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm chi trực tiếp cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi cho các hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chi tổ chức đánh giá sau nghiệm thu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

c) Cấp vốn điều lệ và vốn bổ sung cho các quỹ quốc gia của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

d) Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nghiên cứu về khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài;

đ) Mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; mua công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ;

e) Thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn trong nước và nước ngoài;

g) Xúc tiến ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ;

h) Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo và đổi mới công nghệ;

i) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, truyền thông, hoạt động thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế;

k) Hỗ trợ đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, công bố kết quả nghiên cứu khoa học; khen thưởng, giải thưởng khoa học và công nghệ;

l) Hỗ trợ các hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ: Tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; khảo sát tìm kiếm các thông tin về khoa học và công nghệ, các nguồn cung ứng công nghệ ở nước ngoài; tham gia các hoạt động, sự kiện, diễn đàn về khoa học và công nghệ quốc tế; niên liễm tham gia các tổ chức quốc tế về khoa học và công nghệ; vốn đối ứng các dự án quốc tế về khoa học và công nghệ; bảo đảm hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài;

m) Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ;

n) Các khoản chi có liên quan khác.

Điều 5. Về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ

1. Đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách cho khoa học và công nghệ

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm đề xuất cơ cấu chi giữa đầu tư phát triển và sự nghiệp khoa học và công nghệ; tỷ lệ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

b) Căn cứ vào hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ của năm kế hoạch tiếp theo;

c) Căn cứ vào khả năng đáp ứng của ngân sách nhà nước, nhu cầu thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ của năm trước liền kề cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động khoa học và công nghệ gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

d) Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho khoa học và công nghệ của địa phương mình; xử lý, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Lập dự toán ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập và trình Chính phủ dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo đề xuất dự toán của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp có sự thay đổi so với đề xuất dự toán của Bộ Khoa học và Công nghệ thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Bộ Tài chính lập và trình Chính phủ dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo đề xuất dự toán của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp có sự thay đổi so với đề xuất dự toán của Bộ Khoa học và Công nghệ thì Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kinh phí từ nguồn ngân sách dành cho khoa học và công nghệ được giao hàng năm, lập phương án bố trí kinh phí cho đầu tư phát triển và sự nghiệp khoa học và công nghệ không thấp hơn mức Trung ương giao.

Sở Kế hoạch và Đầu tư lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp có sự thay đổi so với đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ thì Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sở Tài chính lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp có sự thay đổi so với đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ thì Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo với Sở Khoa học và Công nghệ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Phân bổ dự toán chi ngân sách cho khoa học và công nghệ

Sau khi tổng dự toán chi ngân sách được Quốc hội thông qua, ngân sách cho khoa học và công nghệ được phân bổ như sau:

a) Kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, kinh phí chi thường xuyên, kinh phí dự phòng trong kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Kinh phí dành cho việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phân bổ như sau:

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được chuyển vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được chuyển vào quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa hoặc không thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ thì kinh phí này được chuyển trực tiếp vào đơn vị dự toán cấp I của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Sau khi ký hợp đồng khoa học và công nghệ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được cấp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Kho bạc Nhà nước.

4. Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 6. Cơ chế đầu tư đặc biệt và phương thức thực hiện đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt là nhiệm vụ được quy định tại Điều 54 Luật Khoa học và công nghệ.

2. Cơ chế đầu tư đặc biệt

a) Nhà nước bảo đảm tập trung đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt. Kinh phí được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác;

b) Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt được phê duyệt chi tiết theo từng nguồn cụ thể trong tổng kinh phí thực hiện từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt;

c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt trong đó có tổng mức đầu tư, cơ cấu kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt. Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Quốc hội xem xét quyết định chủ trương đầu tư.

3. Phương thức thực hiện

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt được giao trực tiếp cho tổ chức chủ trì thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt phải thực hiện cấp bách, cơ quan chủ trì có trách nhiệm triển khai kịp thời nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được tạm ứng kinh phí để thực hiện, đồng thời xây dựng dự toán tổng kinh phí trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này phê duyệt;

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt được mở tài khoản riêng dùng cho việc tiếp nhận và giải ngân nguồn kinh phí phục vụ cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt đã được phê duyệt;

c) Trường hợp cần bổ sung kinh phí thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này quyết định;

d) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt;

đ) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm đáp ứng kịp thời các yêu cầu, đề xuất huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt được coi là hoàn thành sau khi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ có văn bản xác nhận kết quả nghiệm thu từ mức đạt yêu cầu trở lên.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt.

Điều 7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật đảm bảo vận hành Quỹ; biên chế sự nghiệp được điều tiết trong phạm vi tổng biên chế sự nghiệp hiện có;

b) Đảm bảo cơ cấu nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác;

c) Không làm tăng chi phí quản lý từ ngân sách nhà nước.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là đơn vị sự nghiệp do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đơn vị sự nghiệp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập.

3. Quỹ được sử dụng vào mục đích theo quy định tại Khoản 1 Điều 60 Luật Khoa học và công nghệ.

4. Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

a) Vốn được cấp lần đầu từ ngân sách nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Vốn bổ sung hàng năm từ phân bổ ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh;

c) Các nguồn thu từ kết quả hoạt động của quỹ;

d) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận ủy thác từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

đ) Nhận ủy thác từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

e) Khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng và nhận ủy thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

5. Điều lệ của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xây dựng theo điều lệ mẫu do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập và hoạt động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ thuộc cơ quan mình, để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể Khoản 1 Điều này.

Mục 2
ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 8. Nguồn đầu tư của doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

2. Các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp.

Điều 9. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp nhà nước hàng năm phải trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp ngoài nhà nước được quyền trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp một tỷ lệ hợp lý, tối đa 10% để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định khuyến khích doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp và cho ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.

Điều 10. Nội dung chi của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

1. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải xây dựng quy chế đề xuất, xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và quy chế chi tiêu, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp gửi cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký thuế để kiểm soát. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện đúng quy chế.

Việc xây dựng quy chế phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong nội bộ doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

a) Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp: Xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp và thống kê về hoạt động khoa học và công nghệ; chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ; chi khác phục vụ phát triển khoa học và công nghệ; các hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp;

b) Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

c) Mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 7 Luật Chuyển giao công nghệ để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp;

d) Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

đ) Chi cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

e) Chi cho các hoạt động sáng kiến theo quy định của pháp luật về sáng kiến;

g) Chi cho các hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong nước và ngoài nước: Hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong nước và ngoài nước; chi phí cho các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung theo các lĩnh vực khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên;

h) Chi cho đánh giá, thử nghiệm, kiểm chuẩn, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

4. Chi điều chuyển về quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định này, trừ trường hợp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có công ty mẹ ở nước ngoài.

5. Chi nộp về quỹ phát triển khoa học và công nghệ của nhà nước theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 11 Nghị định này.

6. Chi quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

7. Các khoản chi từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phải có chứng từ theo quy định của quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ. Trường hợp trong năm, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cho hoạt động khoa học và công nghệ vượt quá số tiền hiện có tại Quỹ thì được lựa chọn trích trước Quỹ của các năm tiếp theo để bù vào số còn thiếu hoặc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

Điều 11. Quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

1. Hàng năm doanh nghiệp phải lập báo cáo việc trích, sử dụng Quỹ, gửi đến cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính. Thời hạn nộp cùng thời điểm nộp báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp có thể điều chuyển nguồn giữa các quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo các hình thức sau:

a) Giữa tổng công ty với các doanh nghiệp thành viên và ngược lại;

b) Giữa công ty mẹ với công ty con và ngược lại.

3. Việc điều chuyển và tỷ lệ điều chuyển nguồn giữa các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ với các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp thành viên, công ty con và ngược lại do chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên hoặc tổng giám đốc, giám đốc (người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp) quyết định trên cơ sở tỷ lệ trích Quỹ theo quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, nhu cầu đầu tư cho

hoạt động khoa học và công nghệ tại các doanh nghiệp thành viên và nhu cầu, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của toàn hệ thống.

4. Các doanh nghiệp có sự điều chuyển nguồn giữa các Quỹ theo các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này phải báo cáo tình hình nhận điều chuyển và sử dụng số tiền Quỹ được điều chuyển với cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị, Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ nơi đăng ký kinh doanh.

5. Trường hợp doanh nghiệp chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết quỹ phát triển khoa học và công nghệ:

a) Doanh nghiệp nhà nước phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố.

Các doanh nghiệp còn lại được quyền đóng góp vào các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế;

b) Trường hợp không đóng góp vào các quỹ của nhà nước thì trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp ngoài nhà nước không được sử dụng, hoặc sử dụng không hết hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

6. Các doanh nghiệp đã đóng góp vào quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại Điểm a Khoản 5 Điều này khi có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần sử dụng kinh phí có quyền yêu cầu hỗ trợ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ nơi đã nhận điều chuyển có trách nhiệm hỗ trợ bằng số kinh phí đã điều chuyển và ưu tiên hỗ trợ thêm trong khả năng đáp ứng của quỹ theo dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết Điều 10 và Điều 11 Nghị định này.

Mục 3
ĐẦU TƯ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 12. Huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho khoa học và công nghệ tại Việt Nam dưới các hình thức: Đầu tư trực tiếp, liên doanh, liên kết với các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp của Việt Nam hoặc ủy thác đầu tư. Trong trường hợp này dự án đầu tư được hưởng các hình thức ưu đãi theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức và cá nhân tài trợ cho khoa học và công nghệ tại Việt Nam có thể thực hiện dưới các hình thức khác nhau: Bằng tiền, hiện vật, tài sản trí tuệ. Nhà tài trợ được quyền yêu cầu mục đích tài trợ và chỉ định tổ chức, cá nhân ở Việt Nam nhận tài trợ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân vận động các khoản tài trợ không hoàn lại từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Thủ tướng Chính phủ quy định việc quản lý và sử dụng tài trợ để hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân thành lập là tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận để tài trợ không hoàn lại, cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, bảo lãnh vốn vay, phục vụ nhu cầu phát triển khoa học và công nghệ. Thủ tục thành lập và hoạt động cho vay, bảo lãnh vốn vay của các quỹ này phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được hình thành từ vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân sáng lập không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; vốn góp tự nguyện, hiến, tặng; các nguồn hợp pháp khác.

3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân phải đăng ký hoạt động tại Sở Tài chính nơi đặt trụ sở chính của quỹ đồng thời thông báo việc thành lập quỹ cho Sở Khoa học và Công nghệ cùng cấp.

4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân thành lập được ưu tiên trong việc thuê đất xây dựng trụ sở chính và các chi nhánh của quỹ.

Chương III
CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 14. Cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1.Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm trên cơ sở dự toán nguồn ngân sách nhà nước được duyệt và các nguồn kinh phí khác cân đối cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong năm kế hoạch và các năm tiếp theo tương ứng với thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt.

2. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành thông qua hệ thống quỹ phát triển khoa học và công nghệ các cấp hoặc các đơn vị dự toán cấp II, cấp III. Giám đốc các quỹ và thủ trưởng

các đơn vị dự toán cấp II, cấp III có trách nhiệm cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì tại Kho bạc Nhà nước theo tiến độ xác định trong hợp đồng do cơ quan có thẩm quyền ký với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

Trường hợp chưa có quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Đơn vị dự toán cấp I của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giao dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt vào tài khoản dự toán của đơn vị dự toán cấp II, cấp III tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với cơ quan chủ quản kiểm tra, giám sát và đôn đốc các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh, cơ quan chủ quản tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng.

Điều 15. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm cuối cùng đã xác định được rõ tên sản phẩm cụ thể, chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được, số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra, địa chỉ ứng dụng; được hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn, xét giao trực tiếp xác định đáp ứng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; được chủ nhiệm nhiệm vụ và cơ quan chủ trì chấp nhận;

b) Dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tính đúng, tính đủ tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định hiện hành; trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm;

c) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí.

2. Quy trình và thủ tục khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước gồm các bước sau:

a) Thủ trưởng tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có cam kết bằng văn bản chấp nhận phương thức khoán chi;

b) Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó có quy định nhiệm vụ khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức, cá nhân được giao chủ trì; việc ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Khoa học và công nghệ;

d) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng được các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cấp tương ứng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp kinh phí thực hiện theo yêu cầu của tổ chức chủ trì, phù hợp với nội dung, mục tiêu, yêu cầu và tiến độ của hợp đồng khoa học và công nghệ;

đ) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng được coi là hoàn thành sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ có văn bản xác nhận kết quả nghiệm thu từ mức đạt yêu cầu trở lên;

e) Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh lý sau khi có văn bản xác nhận kết quả của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ và chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng bị dừng thực hiện hoặc đánh giá không đạt yêu cầu thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc dừng thực hiện hoặc đánh giá không đạt yêu cầu, ra quyết định xử lý.

a) Người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ thiếu trách nhiệm gây thất thoát, lãng phí nguồn lực và ngân sách nhà nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tổn thất, lãng phí đối với nguồn lực và ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm:

Nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.

Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức hoàn trả tối thiểu 40% kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.

4. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thành và các bên tiến hành thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ, theo phương thức quyết toán toàn bộ.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện trong nhiều năm, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm có trách nhiệm tổng hợp báo cáo theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi.

Điều 16. Khoán chi từng phần đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được khoán chi từng phần là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính rủi ro cao, không thể xác định được tiêu chí cụ thể của sản phẩm cuối cùng, cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có từng phần công việc xác định được rõ nội dung, mục tiêu, yêu cầu, kết quả, kinh phí thực hiện; được hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn, xét giao trực tiếp xác định thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần; được chủ nhiệm nhiệm vụ và cơ quan chủ trì chấp nhận;

b) Dự toán phần công việc được khoán chi của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tính đúng, tính đủ tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định hiện hành; trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm;

c) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí.

2. Quy trình và thủ tục khoán chi từng phần đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước gồm các bước sau:

a) Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó có quy định rõ phần công việc, kinh phí được khoán chi; việc ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Khoa học và công nghệ;

c) Các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cấp tương ứng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp kinh phí thực hiện theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu và tiến độ của hợp đồng khoa học và công nghệ;

d) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được khoán chi từng phần được coi là hoàn thành sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ có văn bản xác nhận kết quả nghiệm thu từ mức đạt yêu cầu trở lên;

đ) Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh lý sau khi có văn bản xác nhận kết quả của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ và chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được khoán chi từng phần bị dừng thực hiện hoặc đánh giá không đạt yêu cầu thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc dừng thực hiện hoặc đánh giá không đạt yêu cầu, ra quyết định xử lý.

a) Người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ thiếu trách nhiệm gây thất thoát, lãng phí nguồn lực và ngân sách nhà nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tổn thất, lãng phí đối với nguồn lực và ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có trách nhiệm:

Nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.

Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.

4. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thành và các bên tiến hành thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ, theo phương thức quyết toán tổng hợp các nội dung được khoán chi và nội dung không được khoán chi.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện trong nhiều năm, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm có trách nhiệm tổng hợp báo cáo theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi.

Điều 17. Sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hay khoán chi từng phần,

được chủ động sử dụng kinh phí được giao khoán một cách hợp lý để hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu như sau:

a) Có quyền thay đổi các mục chi, nội dung chi và quyết định định mức chi trong tổng mức kinh phí được khoán chi;

b) Đối với kinh phí tiết kiệm từ phần kinh phí được khoán chi, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ được sử dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan chủ trì.

2. Kinh phí khoán được sử dụng đúng mục đích, có chứng từ theo thực chi, đảm bảo công khai, minh bạch trong nội bộ tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước được khoán chi từng phần thực hiện quản lý và chi tiêu đối với phần kinh phí không được khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định này và việc xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước.

Điều 18. Mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Việc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cần mua có giá trị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, xác định được tiêu chí rõ ràng, minh bạch và định lượng;

b) Có tổ chức, cá nhân cam kết ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Tổ chức, cá nhân nhận thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chấp nhận quá trình thẩm định nội dung và kinh phí theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cam kết tự huy động kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân quy định rõ điều kiện về thời gian thực hiện, sản phẩm khoa học và công nghệ, kinh phí đặt mua, hình thức thanh toán sau khi nhận được kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân, đồng thời có trách nhiệm thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ để đánh giá kết quả.

3. Trên cơ sở biên bản đánh giá kết quả của Hội đồng khoa học và công nghệ từ mức đạt trở lên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị hợp đồng đặt mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân. Trường hợp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

không đạt yêu cầu hoặc không hoàn thành đúng thời hạn quy định của hợp đồng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền từ chối thanh toán và tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.

4. Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đặt mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bằng nguồn ngân sách nhà nước phải chịu trách nhiệm về việc đặt mua và hiệu quả việc sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đặt mua.

Điều 19. Khoán chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước

Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước được quyền áp dụng các Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định này.

Điều 20. Chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng các ưu đãi sau:

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu các kết quả khoa học và công nghệ thuộc sở hữu nhà nước.

2. Hưởng chế độ miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Các khoản chi phí hợp lý được trừ khi tính thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

5. Hưởng các chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và các quỹ khác theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh.

6. Ưu tiên trong việc sử dụng trang thiết bị nghiên cứu phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại các Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của nhà nước.

7. Được hỗ trợ các dịch vụ tư vấn, đào tạo của các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp do các cơ quan nhà nước thành lập.

8. Được Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao và Ủy ban nhân dân các địa phương ưu tiên cho thuê đất, cơ sở hạ tầng với mức giá thấp nhất theo quy định.

9. Được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2014.

2. Bãi bỏ Quyết định số 117/2005/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Điều lệ mẫu tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng